

Số: **12** /2019/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **15** tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Thực hiện Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 109/SNV-XDCQ&CTTN ngày 28/01/2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 55/BC-STP ngày 28/01/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung về số lượng, mức khoán chi phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“1. Thực hiện bố trí số lượng, tổng mức khoán chi phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Cách thức khoán chi phụ cấp:

a) Xác định mức khoán chi phụ cấp cho 01 nhiệm vụ: Trên cơ sở các chức danh, nhóm nhiệm vụ quy định tại Điều 1, Điều 2, Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định tên, số lượng các nhiệm vụ được khoán và mức khoán cho mỗi nhiệm vụ, đảm bảo không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ và tổng mức khoán bằng mức khoán quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Xác định mức khoán chi phụ cấp cho 01 người: Xác định theo nguyên tắc 01 người thực hiện nhiệm vụ nào được hưởng 100% mức khoán của nhiệm vụ đó, đảm bảo bố trí đúng số lượng người và tự chủ 100% tổng kinh phí khoán quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Nguyên tắc, đối tượng, mức phụ cấp kiêm nhiệm: Thực hiện kiêm nhiệm để giảm được người so với số lượng tối đa được bố trí ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Khoản 1 Điều này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã còn được hưởng 100% mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 2,54 lần mức lương cơ sở.

b) Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã hoặc được hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, còn được hưởng 100% mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 1,8 lần mức lương cơ sở.

c) Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm nhiệm vụ của những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố: Ngoài việc được hưởng lương đối với cán bộ, công chức cấp xã hoặc được hưởng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, còn được hưởng 100% mức khoán của nhiệm vụ thuộc nhóm nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thời gian thực hiện: Hoàn thành việc sắp xếp, bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 1 trước ngày 01/8/2019.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Giao UBND các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn bố trí, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2019.

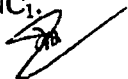
2. Chế độ, chính sách của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố được thực hiện kể từ ngày 01/01/2019.

3. Bãi bỏ Khoản 3, Điều 5, Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 4 Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, TP, TX;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu: VT, TH, NC₁.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh